

Số: 10 /2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 2730 Ngày: 03/4/18 Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 577/TTr-SXD ngày 07/3/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng cung ứng dịch vụ

Các đơn vị sự nghiệp nhà nước; các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động kinh doanh thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối tượng sử dụng dịch vụ

Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn nơi có tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ		
			TP Quảng Ngãi	Các huyện đồng bằng	Các huyện miền núi, hải đảo
1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh	đồng/hộ. tháng			
1.1	Đối với hộ gia đình có công nhân đến tận nơi thu rác hoặc hộ gia đình phải mang rác đến điểm tập kết được quy định có khoảng cách nhỏ hơn 200m	đồng/hộ. tháng	20.000	16.000	12.000
1.2	Đối với hộ gia đình không có công nhân đến tận nơi thu rác và hộ gia đình phải mang rác đến điểm tập kết được quy định có khoảng cách bằng hoặc lớn hơn 200m	đồng/hộ. tháng	18.000	14.000	10.000
2	Hộ kinh doanh (ăn uống, tạp hóa, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, tiệm vàng bạc, đồ điện, vật liệu xây dựng, tiệm				

	thuốc, điện thoại, sửa chữa hoặc rửa xe ô tô, xe máy và các mặt hàng khác)				
2.1	Lượng rác thải ít hơn 0,5 m ³ /tháng	đồng/hộ. tháng	70.000	55.000	40.000
2.2	Lượng rác thải từ 0,5 m ³ /tháng đến dưới 01m ³ /tháng	đồng/hộ. tháng	150.000	120.000	90.000
2.3	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01 m ³ /tháng	đồng/m ³	225.000	180.000	135.000
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học.				
3.1	Lượng rác thải ít hơn 01m ³ /tháng	đồng/đơn vị.tháng	170.000	135.000	100.000
3.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m ³ /tháng	đồng/m ³	225.000	180.000	135.000
4	Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh - dịch vụ, kho chứa hàng, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà hàng, nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; chợ, siêu thị, bến xe, bến tàu; nhà ga, căn tin, ký túc xá sinh viên; khu du lịch, công trình xây dựng; bệnh viện, cơ sở y tế.	đồng/m ³	225.000	180.000	135.000

b) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

a) Việc thu tiền sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải có hóa đơn thu tiền đúng theo quy định. Tổ chức, cá nhân thu tiền dịch vụ (gọi tắt là đơn vị thu) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn cụ thể về hóa đơn dịch vụ.

b) Việc quản lý, sử dụng nguồn thu

- Đối với đơn vị thu là đơn vị sự nghiệp nhà nước có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì việc quản lý, sử dụng tiền thu từ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Đối với đơn vị thu còn lại phải lập sổ sách kế toán để theo dõi phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị cung ứng dịch vụ có trách nhiệm xây dựng phương án dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định theo quy định, làm cơ sở để ký kết, thanh toán hợp đồng thực hiện dịch vụ với các cơ quan, địa phương có thẩm quyền theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt để nâng cao chất lượng dịch vụ. Tổ chức thông báo công khai đến đối tượng thuộc diện phải trả tiền dịch vụ, giá dịch vụ theo quy định, tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện nộp tiền dịch vụ đầy đủ và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ do các đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện trên địa bàn.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định điều chỉnh, bổ sung khi có những biến động về đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các phương án giá dịch vụ do tổ chức, doanh nghiệp lập trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Cục Thuế tỉnh: Chịu trách nhiệm hướng dẫn về chứng từ thu, nghĩa vụ thuế đối với nguồn thu này.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động kinh doanh thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các cơ quan đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng quy định; đồng thời, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh mức giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ

trưởng các sở ban ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQVN và các Hội đoàn thể tỉnh;
- Các ngành: Công an, Quân sự, Biên phòng, Tòa án, Viện Kiểm soát, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học;
- VPUB: PVP, các phòng Nghiên cứu;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.88

